

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/DS-PT

Ngày: 11-12-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2025/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 516/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 372/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ: số C, thôn P, xã H, huyện L (nay là xã T), tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Đình D - Chức vụ: Giám đốc.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Lê L, sinh năm 1980, bà Lê Thị N, sinh năm: 1984; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L (nay là xã T), tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1984; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện L (nay là xã T), tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2025.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972; cư trú tại lô G, đường H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2025).

Người kháng cáo: Công ty TNHH V – Nguyên đơn.

(Ông D, ông T có mặt tại phiên tòa; bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là Công ty V) chuyên kinh doanh phân bón và mua bán nông sản, trong đó có cà phê. Vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N là chủ của Công ty TNHH một thành viên T4, cũng chuyên mua bán nông sản nên hai bên có quen biết, làm ăn với nhau. Giữa Công ty Vì Dân T1 và vợ chồng ông L, bà N có thỏa thuận về việc ông L, bà N bán cà phê nhân cho Công ty V, hai bên đã đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 ngày 12/11/2023, Hợp đồng kinh tế số VDT-249/2023 ngày 12/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số: VDT- TN/03/2023 ngày 26/12/2023. Cụ thể:

- Hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 ngày 12/11/2023:

Hàng hóa, số lượng đơn giá và thời hạn giao hàng: Hai bên thỏa thuận trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/01/2024 vợ chồng ông L, bà N giao cho Công ty V số lượng 150.000kg cà phê Robusta nhân (1.0% tạp), đơn giá là 57.600 đồng/kg, thành tiền là 8.640.000.000 đồng (Tám tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Phương thức giao hàng: Vợ chồng ông L giao hàng từ 20 tấn trở lên cho Công ty V tại kho của vợ chồng ông L, nếu hàng giao chậm so với thời gian thỏa thuận mà không được sự đồng ý của Công ty Vì Dân T1 thì sẽ bị trừ 100 đồng/kg/ngày vào đơn giá hợp đồng nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày đến hạn giao hàng.

Cam kết hai bên:

- Hai bên thỏa thuận thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng, bên nào làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất thiệt hại do mình gây ra, không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng.

- Nếu đến thời hạn giao hàng mà giá tăng so với giá hợp đồng đã thỏa thuận

bên bán không giao đủ hàng và số lượng đã hợp đồng thì phải bồi thường cho bên mua 20.000đồng/kg cà phê nhân: $150.000\text{kg} \times 20.000 \text{ đồng} = 3.000.000.000 \text{ đồng}$ (Ba tỷ đồng).

Hai bên có lập Hợp đồng kinh tế số: VDT-240/2023 ngày 12/11/2023 có chữ ký, con dấu xác nhận của Công ty V và chữ ký của bà N.

- Hợp đồng kinh tế số VDT-249/2023 ngày 12/11/2023:

Hàng hóa, số lượng đơn giá và thời hạn giao hàng: Hai bên thỏa thuận trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/01/2024 vợ chồng ông L, bà N giao cho Công ty V số lượng 50.000kg cà phê Robusta nhân (1.0% tạp), đơn giá là 58.500 đồng/kg, thành tiền là: 2.925.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm hai mươi năm triệu đồng chẵn).

Phương thức giao hàng: Vợ chồng ông L giao hàng từ 20 tấn trở lên cho Công ty V tại kho của vợ chồng ông L, nếu hàng giao chậm so với thời gian thỏa thuận mà không được sự đồng ý của Công ty Vì Dân T1 thì sẽ bị trừ 100 đồng/kg/ngày vào đơn giá hợp đồng nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày đến hạn giao hàng.

Cam kết hai bên:

- Hai bên thỏa thuận thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng, bên nào làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất thiệt hại do mình gây ra, không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng.

- Nếu đến thời hạn giao hàng mà giá tăng so với giá hợp đồng đã thỏa thuận bên bán không giao đủ hàng và số lượng đã hợp đồng thì phải bồi thường cho bên mua 20.000đồng/kg cà phê nhân: $50.000\text{kg} \times 20.000 \text{ đồng} = 1.000.000.000 \text{ đồng}$ (Một tỷ đồng).

Hai bên có lập Hợp đồng kinh tế số: VDT-249/2023 ngày 12/11/2023 có chữ ký, con dấu xác nhận của Công ty V và chữ ký của ông L.

- Hợp đồng kinh tế số VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023:

Hàng hóa, số lượng đơn giá và thời hạn giao hàng: Hai bên thỏa thuận trong thời gian từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/01/2024 vợ chồng ông L, bà N giao cho Công ty V số lượng 50.000kg cà phê Robusta nhân (1.0% tạp), đơn giá là 68.600 đồng/kg, thành tiền là: 3.430.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Phương thức giao hàng: Vợ chồng ông L giao hàng từ 10 tấn trở lên cho Công ty V tại kho của vợ chồng ông L (đường ô tô đi được), nếu hàng giao chậm so với thời gian thỏa thuận mà không được sự đồng ý của công ty Vì Dân T1 thì sẽ bị trừ 100đ/kg/ngày vào đơn giá của hợp đồng đã ký kết, nhưng không quá 10

ngày kể từ ngày đến hạn giao hàng.

Cam kết của hai bên:

- Trong trường hợp vợ chồng ông L giao hàng không đúng thời gian quy định như hợp đồng, nếu quá 5 ngày của thời hạn thì Công ty V có quyền mua ngay một lô hàng khác trên thị trường để bù cho lô hàng này. Vợ chồng ông L phải thanh toán cho Công ty Vì Dân Thịnh số tiền chênh lệch giá thị trường tại thời điểm mua đồng thời chịu phạt thêm 5% trên tổng giá trị hợp đồng, vợ chồng ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch và tiền phạt hợp đồng cho Công ty V trong 5 ngày làm việc.

Hai bên thỏa thuận thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng, bên nào làm sai phải chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất thiệt hại do mình gây ra, không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng.

Hai bên có lập Hợp đồng kinh tế số: VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 có chữ ký, con dấu xác nhận của Công ty V và chữ ký của bà N.

- Quá trình thực hiện hợp đồng và xác định thiệt hại của công ty do lỗi của bên bán (vợ chồng ông L, bà N).

Toàn bộ cả 03 hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 ngày 12/11/2023, VDT-249/2023 ngày 12/11/2023, VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 đã hết thời hạn giao hàng (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/01/2024) nhưng vợ chồng ông L, bà N không giao hàng cho Công ty Vì Dân T1; vợ chồng ông L, bà N đã vi phạm các thỏa thuận trong 03 hợp đồng nêu trên nên gây ra thiệt hại cho Công ty V, cụ thể:

Sau khi ký kết Hợp đồng kinh tế số: VDT-240/2023 ngày 12/11/2023 và VDT-249/2023 ngày 12/11/2023 với ông L, bà N thì Công ty V đã ký kết với Công ty TNHH V1 (sau đây gọi tắt là “Công ty V1”), địa chỉ: D L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai để hưởng chênh lệch, cụ thể:

- Hợp đồng mua bán số C0133/2023/VH ngày 16/11/2023, Công ty V đã giao cà phê cho Công ty V1 số lượng 140.000kg với đơn giá là 59.700đồng/kg, thành tiền 8.358.000.000 đồng (Tám tỷ ba trăm năm mươi tám triệu đồng), thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 10/12/2023. Công ty V đã giao đủ số hàng và nhận tiền theo hợp đồng trên.

- Hợp đồng mua bán số C0149/2023/VH ngày 17/11/2023, Công ty V đã giao cà phê cho Công ty V1 số lượng 20.000kg với đơn giá là 59.900đồng/kg, thành tiền là 1.198.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu đồng), thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 15/12/2023. Công ty V đã giao đủ số hàng và nhận tiền theo hợp đồng trên.

- Hợp đồng mua bán số C0169/2023/VH ngày 27/11/2023, Công ty V đã

giao cả phê cho Công ty V1 số lượng 40.000kg với đơn giá là 60.000đồng/kg, thành tiền là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng, thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 10/12/2023. Công ty V đã giao đủ số hàng và nhận tiền theo hợp đồng trên.

Sau khi thực hiện xong 03 hợp đồng kinh tế với công ty V1 thì vợ chồng ông L, bà N đã không thực hiện việc giao hàng theo đúng thỏa thuận của 02 hợp đồng kinh tế VDT-240/2023 ngày 12/11/2023 và VDT- 249/2023 ngày 12/11/2023 (tổng số lượng 200.000kg, thời hạn giao trước ngày 05/01/2024) dẫn đến buộc công ty Vì Dân T1 phải bù tiền trả cả phê cho công ty, người dân và phải bù lỗ thiệt hại do việc vợ chồng ông L, bà N không thực hiện và vi phạm hợp đồng.

Sau khi ký kết Hợp đồng kinh tế số: VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 với ông L, bà N thì Công ty V đã ký kết với Công ty V1 để hưởng chênh lệch theo Hợp đồng mua bán số C0297/VH/2324 ngày 26/12/2023, Công ty V đã giao cả phê cho Công ty V1 số lượng 80.000kg với đơn giá là 69.400đồng/kg, thành tiền 3.075.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi hai triệu đồng), thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 01/05/2024.

Nhưng sau đó vợ chồng ông L, bà N không giao cả phê dẫn đến Công ty Vì Dân T1 phải chịu thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng của bên bán gây ra.

- Lỗi của bên bán vợ chồng ông L, bà N trong khi thực hiện 03 hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 ngày 12/11/2023, VDT-249/2023 ngày 12/11/2023 và VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 với Công ty V.

Toàn bộ các hợp đồng kinh tế nêu trên bên bán là vợ chồng ông L, bà N chưa thực hiện việc giao bất cứ số lượng hàng hóa cả phê nào cho công ty V. Mặt khác, tại thời điểm bên bán phải giao hàng cho công ty Vì Dân Thịnh theo giá thị trường tại khu vực tỉnh Lâm Đồng là 80.000 đồng/kg (Tháng 01/2024); đối chiếu tại Điều 5 của hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 ngày 12/11/2023, VDT-249/2023 ngày 12/11/2023 thì hai bên cam kết “Nếu đến thời hạn giao hàng mà giá tăng so với giá hợp đồng đã thỏa thuận bên bán không giao đủ hàng và số lượng đã hợp đồng thì phải bồi thường cho bên mua 20.000đồng/kg cả phê nhân: 150.000kg x 20.000 đồng = 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)” và “Nếu đến thời hạn giao hàng mà giá tăng so với giá hợp đồng đã thỏa thuận bên bán không giao đủ hàng và số lượng đã hợp đồng thì phải bồi thường cho bên mua 20.000đồng/kg cả phê nhân: 50.000kg x 20.000 đồng = 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)”. Như vậy, bên bán vợ chồng ông L, bà N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện hợp đồng nêu trên nên buộc vợ chồng ông L, bà N phải bồi thường thiệt hại và chịu phạt do việc vi phạm hợp đồng gây ra.

Hơn nữa, tại hợp đồng kinh tế số VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 thể

hiện việc vợ chồng ông L, bà N đã vi phạm hợp đồng (không giao hàng) và đồng thời gây thiệt hại nặng nề cho công ty. Do vậy, căn cứ tại Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng nêu trên buộc vợ chồng ông L, bà N phải có trách nhiệm chịu phạt 5% trên tổng giá trị hợp đồng; phải thanh toán số tiền chênh lệch giá thị trường tại thời điểm mua và bồi thường thiệt hại cho Công ty V do lỗi của bên bán gây ra.

Như vậy, vợ chồng ông L, bà N đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, đồng thời đã gây ra thiệt hại nặng nề cho Công ty V. Do vậy, cần buộc bị đơn ông L, bà N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ thiệt hại nêu trên như đúng thỏa thuận mà các bên đã ký kết.

Về cơ chế luân chuyển hàng hóa, Công ty V không có kho trữ cà phê lớn. Công ty hoạt động theo cơ chế mua bán luân phiên, tạm ứng hàng từ đối tác để giao cho khách trước, rồi mua lại để hoàn trả sau. Đây là phương thức phổ biến trong lĩnh vực kinh doanh cà phê khu vực T. Do bị đơn không giao hàng, công ty phải mua lại đúng 200.000kg cà phê để bù vào dòng cung ứng đã xoay vòng, dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng. Cụ thể: Công ty đã mua lại đúng số lượng 200 tấn cà phê, từ các đối tác, với đơn giá rất cao (từ 75.900đ – 91.200đ/kg) cụ thể: Khách hàng Truyền Lai ngày 26/01/2024 và ngày 28/01/2024 Công ty mua bù trả lại 26.000kg cà phê nhân với giá 75.900đ/kg, thành tiền 1.973.400.000đ. Công ty thanh toán làm 02 lần: Lần 01 giải ngân từ tài khoản MB 5862691699458 của công ty V đến đến tài khoản MB 0919534456 của bà Trần Thị L1 là 1.400.000.000đ; Lần 2 từ tài khoản B chủ tài khoản Phí Đình D (đại diện công ty V) đến tài khoản VCB 0561000583860 của ông Nguyễn Văn T2 là 573.400.000đ; Khách hàng Mót Thu: ngày 01/3/2024, ngày 07/3/2024 và ngày 13/3/2024 Công ty M bù trả lại 43.000 kg cà phê nhân với giá từ 83.200đ/kg, 84.400đ/kg và 85.500đ/kg, thành tiền 3.605.800.000đ. Công ty thanh toán làm 04 Lần: Lần 01 ngày 01/03/2024 từ tài khoản MB 356666666666 của công ty V T1 đến đến tài khoản A của bà Lê Thị T3 với số tiền 800.000.000đ; Lần 2 ngày 01/03/2024 từ tài khoản MB 356666666666 của công ty V T1 đến đến tài khoản A của bà Lê Thị T3 với số tiền 1.000.000.000đ; Lần 3 ngày 07/03/2024 giải ngân từ tài khoản B của công ty V T1 đến đến tài khoản A của bà Lê Thị T3 với số tiền 1.800.000.000đ; Lần 4 ngày 13/03/2024 từ tài khoản BIDV 6460234240 chủ tài khoản B (đại diện công ty V) đến tài khoản A của bà Lê Thị T3 với số tiền 5.800.000đ; Khách hàng Huệ Bằng: Ngày 01/3/2024 và ngày 04/3/2024 Công ty M bù trả lại 11.390 kg cà phê nhân với giá từ 84.400đ/kg và 84.000đ/kg, thành tiền 960.318.000đ. Công ty thanh toán làm 02 Lần: Lần 01 từ tài khoản MB 356666666666 của công ty V đến đến tài khoản MB 999907071965 của bà Nguyễn Thị H là 550.000.000 đồng; Lần 2 từ tài khoản MB 056666666666 chủ tài khoản Phí Đình D (đại diện Công ty V) đến tài khoản MB 999907071965 của bà Nguyễn

Thị H là 410.318.000 đồng; Khách hàng Sang Lợi: Ngày 01/3/2024 Công ty M bù trả lại 10.000 kg cà phê nhân với giá 84.400đ/kg, thành tiền 844.000.000 đồng. Công ty thanh toán từ tài khoản MB 35666666666 của Công ty V đến đến tài khoản A1 của ông Đoàn Văn S là 844.000.000 đồng (chuyển 02 lần tiền: lần 1 là 400.000.000 đồng và lần 2 là 444.000.000 đồng); Khách hàng Hạ Hoa: Ngày 28/02/2025 Công ty M bù trả lại 50.000 kg cà phê nhân với giá 84.500đ/kg, thành tiền là 4.225.000.000 đồng. Công ty thanh toán làm 7 lần: Lần 01 vào ngày 28/02/2024 từ tài khoản MB 35666666666 của Công ty V đến đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 330.000.000 đồng; Lần 02 ngày 28/02/2024 từ tài khoản VCB 9989561168 chủ tài khoản Phí Đình D (đại diện Công ty V) đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 170.000.000 đồng; Lần 03 ngày 28/02/2024 từ tài khoản B 6460235614 của công ty V đến đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 1.000.000.000 đồng; Lần 04 ngày 28/02/2024 từ tài khoản V2 9989561168 mang tên Phí Đình D (đại diện công ty V) đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 500.000.000 đồng; Lần 05 ngày 29/02/2024 từ tài khoản MB 35666666666 của công ty V đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 600.000.000 đồng; Lần 06 ngày 01/03/2024 từ tài khoản MB 35666666666 của công ty V đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 800.000.000 đồng. Lần 07 ngày 05/03/2024 từ tài khoản B 6460235614 Công ty V đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 825.000.000 đồng; Ngày 07/03/2024 Công ty mua bù trả lại 60.000 kg cà phê nhân với giá 91.200đ/kg, thành tiền là 5.472.000.000đ. Công ty thanh toán vào ngày 08/3/2024 từ tài khoản V2 9989561168 mang tên Phí Đình D (đại diện Công ty V) đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 1.500.000.000 đồng; Ngày 11/3/2024 từ tài khoản B của công ty V đến đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 2.500.000.000 đồng; Ngày 12/3/2024 từ tài khoản MB 35666666666 của công ty V đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 1.200.000.000 đồng; Ngày 13/3/2024 từ tài khoản BIDV 6460234240 chủ tài khoản B (đại diện công ty V) đến tài khoản B của bà Thái Thị H1 là 272.000.000 đồng.

Tổng tiền đã thanh toán để mua lại của hai hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 và VDT-249/2023 là hơn 17 tỷ đồng, trong khi theo hợp đồng với bị đơn, giá chỉ khoảng 11 tỷ đồng, gây thiệt hại chênh lệch hơn 6 tỷ đồng, chưa kể chi phí xoay dòng, lãi vay và chi phí phát sinh khác. Còn đối với hợp đồng kinh tế số VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 do bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên Công ty phải thanh toán số tiền chênh lệch tại thời điểm giao hàng cho Công ty V1 là khoảng 80.000đ/kg cao hơn nhiều so với hợp đồng (68.600đ/kg), phải bù thiệt hại $11.400\text{đ/kg} \times 50.000\text{đ/kg} = 570.000.000\text{đ}$ về mặt thực tế. Tất cả các khoản thanh toán đều có chứng từ chuyển khoản ngân hàng R, từ tài khoản công ty hoặc tài khoản của Giám đốc Phí Đình D – người đại diện hợp pháp.

Qua đó, hành vi không giao cả phê đúng hạn, đúng số lượng; vi phạm cam kết giao hàng dù đã ký hợp đồng và không thông báo, gia hạn hợp đồng từ phía bị đơn dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Công ty buộc phải mua lại lượng hàng tương đương với giá rất cao, gây thiệt hại mặt tài chính, tổn hại dòng tiền và mất uy tín.

Vì vậy, Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng kinh tế số VDT-240/2023 ngày 12/11/2023; Buộc ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng kinh tế số VDT-249/2023 ngày 12/11/2023; Buộc ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải bồi thường cho công ty TNHH V đối với hợp đồng kinh tế số VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 với mức phạt 5% hợp đồng tương đương 171.500.000 đồng và phạt bồi thường thiệt hại trên thực tế là 570.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH V yêu cầu vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải bồi thường cả vi phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại trên thực tế với số tiền là 4.741.500.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị N, ông Trần Lê L trình bày: Bà N có kinh doanh thu mua nông sản của các hộ dân tại địa phương và cùng chồng là ông L là người đứng giấy phép kinh doanh. Sau khi thu mua xong của hộ dân tại địa phương thì bà sẽ bán lại cho ông D (là người đại diện Công ty TNHH V) để hưởng chênh lệch. Nay Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N phải trả số tiền là 4.741.500.000đ thì bà N không đồng ý. Vì ông D đã tự nhiên đề nghị chấm dứt hợp đồng mà chưa thông qua ý kiến của vợ chồng bà N trong khi đó tại thời điểm ông D đề nghị chấm dứt hợp đồng thì hợp đồng vẫn đang còn thời hạn. Ông D cũng không đến để thương lượng hoà giải hai bên mà còn tung tin đồn làm vợ chồng bà N không mua được hàng để giao hàng nên vợ chồng bà N mới không giao được hàng cho ông D như đã thoả thuận. Việc ông D có bị thiệt hại hay không thì bà N cũng không được biết. Nhưng bản thân vợ chồng bà N cũng bị thiệt hại do việc ông D tung tin đồn và làm mất uy tín của các hộ dân mà bà N thu mua cà phê. Cả 03 hợp đồng đều thoả thuận là giao hàng mới nhận tiền và chúng tôi cũng chưa nhận được đồng tiền nào của ông D. Ngày 07/01/2024 ông D đưa người đến nhà bà N để yêu cầu chấm dứt hợp đồng thì bà N đang đi thu mua cà phê và khi bà N đang cân hàng thì người dân vì tin đồn của ông D đã không cho bà N cân hàng nữa.

Việc bà N không giao đủ khối lượng cà phê cho Công ty không phải do lỗi của bà N, đồng thời giữa bà N và Công ty cũng không phát sinh việc giao nhận tiền trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nay, Công ty cho rằng bà N vi phạm hợp đồng buộc bà N bồi thường số tiền 4.741.500.000 đồng là không có căn cứ nên bà N không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” với vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N.

Buộc vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 171.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N bồi thường số tiền 4.570.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 29/8/2025 ông Phí Đình D là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của Công ty TNHH V; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng thời hiệu. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự quy định “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc”. Do đó, yêu cầu này của đại diện bị đơn Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 4.570.000.000đ thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều xác định sau khi ký kết 03 hợp đồng kinh tế thì giữa nguyên đơn và bị đơn chưa có việc giao nhận tiền mua bán cà phê. Đồng thời, các bên thừa nhận ông L, bà N chưa giao số lượng hàng hóa nào cho Công ty TNHH V. Như vậy, ông L, bà N đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên việc Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu ông L, bà N bồi thường thiệt hại là phù hợp. Tuy nhiên, ông D cho rằng do ông L, bà N không giao cà phê nên ông D phải thu mua cà phê với giá cao hơn để giao cho Công ty TNHH V1 theo các hợp đồng Công ty TNHH V T1 đã ký với Công ty TNHH V1 gồm 04 hợp đồng: Hợp đồng mua bán số C0297/VH/2324 ngày 26/12/2023; Hợp đồng mua bán C0169/2023/VH ngày 27/11/2023; Hợp đồng mua bán C0149/2023/VH ngày 17/11/2023; Hợp đồng mua bán số C0133/2023/VH ngày 16/11/2023. Theo ông D thì đối với cả 04 hợp đồng trên thì ông đều đã giao hàng đúng thời hạn cho Công ty TNHH V1. Cấp sơ thẩm đã xem xét nội dung 04 hợp đồng nêu trên, thể hiện: Đối với Hợp đồng mua bán số C0297/VH/2324 ngày 26/12/2023 thì thời hạn giao hàng chậm nhất đến ngày 05/01/2024; Đối với Hợp đồng mua bán số C0169/2023/VH ngày 27/11/2023, thời hạn giao hàng chậm nhất đến ngày 10/12/2023; Đối với Hợp đồng mua bán C0149/2023/VH ngày 17/11/2023, thời hạn giao hàng chậm nhất đến ngày 15/12/2023; Đối với Hợp đồng mua bán số C0133/2023/VH ngày 16/11/2023, thời hạn giao hàng chậm nhất đến ngày 10/12/2023. Trong khi đó cả 03 Hợp đồng mua bán Công ty TNHH V ký kết với ông L, bà N thì thời gian giao hàng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/01/2024. Như vậy, thời điểm Công ty TNHH V phải giao hàng cho Công ty TNHH V1 là trước thời điểm vợ chồng ông L, bà N phải giao hàng cho Công ty TNHH V nên không có căn cứ cho rằng việc ông L, bà N không giao cà phê dẫn đến Công ty TNHH V không có cà phê để giao cho Công ty TNHH V1.

Ông D cho rằng Công ty đã giao đủ hàng cho Công ty TNHH V1 trong thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn không giao cà phê như cam kết buộc Công ty phải mua bù số lượng cà phê tương ứng trên thị trường với giá cao hơn, gây thiệt hại nặng nề cho Công ty. Mặc dù ông D cung cấp được chứng cứ chứng minh ông

đã mua cà phê với giá cao hơn như ông đã khai, nhưng số cà phê ông mua có khoản mua trước thời điểm đến hạn giao hàng của ông L, bà N; có khoản mua sau thời điểm đến hạn giao hàng của ông L, bà N và không có cơ sở để xác định do ông L, bà N không giao hàng nên dẫn đến Công ty Vì Dân T1 buộc phải mua hàng với giá cao.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi vi phạm hợp đồng của ông L, bà N không phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại cho Công ty TNHH V nên không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH V yêu cầu ông L, bà N bồi thường thiệt hại đối với 03 Hợp đồng mua bán nêu trên với tổng số tiền là 4.570.000.000đ là có cơ sở.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm: Công ty TNHH V yêu cầu ông L, bà N phải thanh toán cho Công ty số tiền phạt vi phạm đối với Hợp đồng kinh tế số VDT-TN/03/2023 ngày 26/12/2023 với mức phạt 5% hợp đồng. Mức phạt vi phạm Công ty V yêu cầu là 5% trên tổng giá trị hợp đồng là mức phạt các bên thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại. Số tiền phạt vi phạm buộc ông L, bà N phải thanh toán cho Công ty TNHH V là $3.430.000.000đ \times 5\% = 171.500.000đ$. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận là có căn cứ, bị đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N.

Buộc vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 171.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N bồi thường số tiền 4.570.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH V phải chịu 112.570.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 56.371.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005269 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng) và 2.000.000đ theo Biên lai thu số 0002896 ngày 04/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Công ty TNHH V còn phải nộp 56.199.000đ án phí.

Buộc vợ chồng ông Trần Lê L, bà Lê Thị N phải chịu 8.575.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng GD, TT, KT&THA (01);
- TAND khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- Chi cục THADS khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt